

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/DS-ST.

Ngày: 28/7/2025.

V/v “Tranh chấp hội, hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Lê Thị Ánh Sáng.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 388/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp hội và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị N, sinh năm: 1970.

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 075170011706; Cấp ngày 20/4/2022, Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về TTXH.

Địa chỉ: Tổ M, ấp Đ, xã N, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Ngọc A sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Đ, tổ 19, khu X, xã L, tỉnh Đ.

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 075073010942; Cấp ngày 05/9/2022, Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về TTXH.

(Giấy ủy quyền ngày 07/12/2023). Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương D, sinh năm: 1986.

CCCD: 075186017755.

Địa chỉ: Tổ V, ấp Đ, xã P, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện ngày 20/9/2024, bản tự khai ngày 06/11/2024 và các ý kiến tiếp theo tại Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Ngọc A trình bày: Do, quen biết với nhau nên bà Bùi Thị N có cho bà Nguyễn Thị Phương D tham gia chơi hụi và vay nợ cụ thể:

Về nợ hụi: Ngày 06/4/2021, bà Bùi Thị N mở 02 dây hụi tháng. Hụi 5.000.000 đồng, hụi khui vào 06 (DL) hàng tháng. Một dây hụi gồm 29 hụi viên, 01 hụi viên chơi 02 phần, bà Nguyễn Thị Phương D chơi 02 dây hụi, 01 dây hụi bà D chơi 02 phần (tất cả là 04 phần hụi)

- Dây hụi 01, bà D đóng được 13 kỳ hụi sống $\times 2 = 26$ kỳ thì bà D ăn hụi vào ngày 06/4/2023; Hụi chết bà D đóng được 07 kỳ $\times 2 = 14$ kỳ. Đến tháng 12/2022 bà D dừng đóng hụi chết dây 01.

- Dây hụi 02, bà D đóng được 16 kỳ hụi sống $\times 2 = 32$ kỳ thì bà D ăn hụi vào ngày 06/7/2023; Hụi chết bà D đóng được 04 kỳ $\times 2 = 8$ kỳ. Đến tháng 12/2022 bà D dừng đóng hụi chết dây 02.

Do, bà D đang vay tiền của bà N để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn thiếu tiền trả cho người khác, nên bà N yêu cầu bà D tất toán tiền hụi của 02 dây hụi. Ngày 06/4/2023, bà D yêu cầu bà N tiếp tục nợ và đóng giùm các kỳ hụi chết đến tháng 8/2023, gồm 02 dây hụi, một dây 02 phần, một phần còn 9 kỳ hụi chết. Tổng cộng: 180.000.000 đồng [Một dây hụi còn 09 kỳ (hụi chết) chưa đóng $\times 02$ phần = 18 kỳ $\times 02$ dây = 36 kỳ hụi $\times 5.000.000$ đồng] cộng với 45.000.000 đồng tiền bà D mượn đóng hụi được ghi chung vào giấy xác nhận nợ hụi ngày 06/4/2023. Tổng cộng là 225.000.000 đồng, bà D và bà N cùng ký xác nhận.

Về nợ vay: Ngày 05/3/2023, bà Bùi Thị N có cho bà Nguyễn Thị Phương D vay số tiền 950.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất tự thỏa thuận. Mục đích dùng thanh toán tiền đất. Việc vay tiền có lập hợp đồng vay vốn đề ngày 05/3/2025, bà Nguyễn Thị Phương D đã ký, ghi rõ họ và tên, điểm chỉ vào hợp đồng vay vốn.

Ngày 10/3/2023, bà Nguyễn Thị Phương D tiếp tục vay của bà N số tiền 240.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng, lãi suất tự thỏa thuận. Mục đích dùng thanh toán tiền đất. Việc vay tiền có lập hợp đồng vay vốn đề ngày 10/3/2023, bà Nguyễn Thị Phương D đã ký, ghi rõ họ và tên, điểm chỉ vào hợp đồng vay vốn.

Ngày 10/4/2023, bà Nguyễn Thị Phương D vay tiếp của bà N số tiền 28.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất tự thỏa thuận. Việc vay tiền có lập hợp đồng vay vốn đề ngày 10/4/2023, bà Nguyễn Thị Phương D đã ký, ghi rõ họ và tên, điểm chỉ vào hợp đồng vay vốn. Tổng số tiền vay là 1.218.000.000 đồng. Đến thời hạn thanh toán, bà D chưa thanh toán cho bà N khoản tiền nợ gốc và tiền lãi suất.

Nay, bà Bùi Thị N yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương D phải thanh toán cho bà Bùi Thị N số tiền nợ hội 225.000.000 đồng, số tiền nợ vay 1.218.000.000 đồng. Tổng cộng 1.443.000.000 (một tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu) đồng.

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương D không đến Tòa án cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định, bị đơn không tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện năm 2021, bà N có cho bà D tham gia chơi hội. Trong quá trình chơi hội, sau khi hốt hội được 2 lần thì bà D không đóng hội nên giữa bà N và bà D đã tiến hành lập giấy giao tiền hội tổng số tiền 180.000.000 đồng và tiền vay đóng hội 45.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà D nợ về hội là 225.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 05/3/2023, bà D có vay của bà N số tiền 950.000.000 đồng; Ngày 10/3/2023 bà D tiếp tục vay bà N 240.000.000 đồng; ngày 10/4/2023 bà D vay thêm 28.000.000 đồng; 3 lần vay tổng cộng 1.218.000.000 đồng, mục đích dùng thanh toán tiền đất. Để, chứng minh cho khoản vay này bà N đã cung cấp các hợp đồng vay vốn (BL số 12, 13, 14). Như vậy, việc bà N có cho bà D chơi hội và vay tiền là có thật nên yêu cầu của bà N về thanh toán tiền nợ hội và nợ vay là có căn cứ.

Áp dụng Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Phương D phải thanh toán cho bà Bùi Thị N tổng số tiền 1.443.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà D đã bỏ đi khỏi địa phương, bà N đã yêu cầu Tòa án tiến hành thủ tục tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú. Tại Quyết định số: 14/2024/QĐST – DS ngày 31/12/2024 Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định về việc yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với bà Nguyễn Thị Phương D.

Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà D. Tại phiên tòa, bà D vắng mặt lần thứ

hai, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Bùi Thị N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương D phải thanh toán số tiền hụi và tiền nợ vay. Quan hệ pháp luật được xác định “Tranh chấp hụi và hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Phương D, nơi cư trú tại xã L, tỉnh Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4.1] Về yêu cầu trả tiền nợ hụi: Bà Bùi Thị N yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương D thanh toán tiền hụi 180.000.000 đồng và tiền vay đóng hụi 45.000.000 đồng. Tổng cộng 225.000.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ thu thập thể hiện. Năm 2021, bà D có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ, hụi 5.000.000 đồng và khai vào ngày 06 (DL) hàng tháng. Một dây hụi gồm 29 hụi viên, 01 hụi viên chơi 02 phần, bà Nguyễn Thị Phương D chơi 02 dây hụi, một dây hụi bà D chơi 02 phần. Trong quá trình chơi hụi, bà D đã hốt 2 lần hụi. Sau đó, bà D không đóng tiền hụi cho bà N. Ngày 06/4/2023, giữa bà N và bà D đã lập giấy giao tiền hụi tổng số tiền 180.000.000 đồng và tiền mượn đóng hụi 45.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền hụi bà D nợ bà N là 225.000.000 đồng.

Các người làm chứng do bà Bùi Thị N cung cấp, là hụi viên cùng tham gia chơi hụi cùng bà D, các người làm chứng đều xác nhận vào Năm 2021, bà D có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ và có nợ tiền hụi của bà N.

Xác định, bà D có chơi hụi do bà N làm chủ. Việc bà Bùi Thị N yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương D thanh toán tiền hụi 225.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về yêu cầu trả nợ gốc: Bà Bùi Thị N yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương D thanh toán tiền nợ vay tổng số tiền là 1.218.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà D không đến Tòa làm việc và cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, do nguyên đơn cung cấp để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tài liệu, chứng cứ thu thập có tại hồ sơ thể hiện: N 2023, bà D có vay tiền của bà N nhiều lần cụ thể: Ngày 05/3/2023, bà N có cho bà D số tiền 950.000.000 đồng; Ngày 10/3/2023 bà D tiếp tục vay 240.000.000 đồng; ngày 10/4/2023 bà D vay thêm 28.000.000 đồng. Tổng cộng 1.218.000.000 đồng, các lần vay đều có lập hợp đồng vay vốn, cả hai cùng ký và ghi rõ họ và tên.

Tại Kết luận giám định số: 363/KL-KTHS ngày 17/4/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận: Chữ ký mang tên Nguyễn Thị Phương D trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A4) so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị Phương D trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M3) do cùng một người ký ra (BL 67).

Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, thì đây là hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận thời hạn trả nợ và lãi suất.

Xét hợp đồng vay vốn ngày 05/3/2023, 10/3/2023 và ngày 10/4/2023. Do, các bên tự nguyện thỏa thuận với nhau. Việc, bà D không thanh toán tiền vay cho bà N đúng thời hạn là đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc đúng thời hạn là trái với thỏa thuận mà hai bên đã ký trong hợp đồng, đã gây thiệt hại cho bà N. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu bà D phải thanh toán số tiền nợ gốc 1.218.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6] Án phí: Do, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 27.645.000 đồng, theo biên lai số 0016408 ngày 14/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 tỉnh Đồng Nai).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 266; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463; Điều 465; khoản 2 Điều 466; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N đối với bà Nguyễn Thị Phương D về việc “Tranh chấp hui và hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Phương D phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Bùi Thị N tổng số tiền 1.443.000.000 (một tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu) đồng. Trong đó: Số tiền nợ hui 225.000.000 đồng, số tiền nợ vay 1.218.000.000 đồng.

2- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương D phải chịu 55.290.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 27.645.000 đồng, theo biên lai số 0016408 ngày 14/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2, tỉnh Đồng Nai).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

3- Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 2-Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 2-Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Cảnh